TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 69/2024/QĐST-HNGĐ	*Đông Triều, ngày 12 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 16/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024, giữa:

Anh Nguyễn Văn G sinh năm 1988, nơi thường trú khu T, phường T, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Chị Nguyễn Thị N sinh năm 1988, nơi thường trú khu T, phường T, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn G và chị Nguyễn Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: các đương sự cùng khẳng định có hai con chung Nguyễn Đức H sinh ngày 14/5/2009 và Nguyễn Thị Phương A sinh ngày 27/7/2013 và thỏa thuận, thống nhất việc nuôi dưỡng con chung như sau:

Chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

hai con chung Nguyễn Đức H và Nguyễn Thị Phương A kể từ tháng 4/2024 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh G trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Nguyễn Văn G có nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai con chung Nguyễn Đức H và Nguyễn Thị Phương A với số tiền là 1.000.000^{đ}/tháng/cháu (một triệu đồng/tháng/cháu) kể từ tháng 5/2024 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết.

2.4 Về án phí: anh Nguyễn Văn G tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình là 150.000^{đ} (một trăm năm mươi nghìn đồng), và 150.000^{đ} (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003459, ngày 12/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án DS Đông Triều;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Tràng An (Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường